

Phụ lục 3

THỐNG KÊ TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT

Đơn vị/địa phương: **TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN VẠN NINH**

(Kèm theo Báo cáo: 1515 /BC-YTVN ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Trung tâm Y tế huyện Vạn Ninh

Mẫu số 03/TE

Kỳ báo cáo: 2 lần/năm

Ngày báo cáo: 15/5 và 10/11

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
		Người	%	Người	Người	Người	Người	Người	Người
a	b	1	2	3	4	5	6	7	9
4	Trẻ em khuyết tật	269	97,8%	263	260	260	17	54	38
4,1	Trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng.	68	100%	68	68	68	2	22	15
4,2	Trẻ em khuyết tật nặng.	155	100%	155	155	155	12	26	19
4,3	Trẻ em khuyết tật nhẹ.	46	87,0%	40	37	37	3	6	4
4,4	Các dạng tật	269	97,8%	263	260	260	17	54	38
	-Trẻ em khuyết tật vận động	67	95,5%	64	64	64	10	11	8
	-Trẻ em khuyết tật nghe, nói	41	100,0%	41	41	41	3	10	10
	-Trẻ em khuyết tật nhìn	12	100,0%	12	12	12	-	2	5
	-Trẻ em khuyết tật thần kinh, tâm thần	67	97,0%	65	65	65	2	10	7
	-Trẻ em khuyết tật trí tuệ	49	98,0%	48	46	46	-	17	5
	-Trẻ em khuyết tật khác.	33	100,0%	33	32	32	2	4	3
	+ Trong đó: Trẻ em tự kỷ	5	100,0%	5	5	5	-	1	-
5	Trẻ em nhiễm HIV/AIDS	6	100%	6	1	6	-	-	-
5,1	Sống với cha mẹ, người thân thích	5	100%	5	-	5	-	-	-

TT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Tỷ lệ trẻ em được trợ giúp	Tổng số trẻ em được nhận trợ giúp của Nhà nước	Trợ giúp của Nhà nước				Trợ giúp bằng các hình thức khác
					Trợ giúp xã hội	Trợ giúp y tế	Trợ giúp giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư vấn	
5,2	Được nhận chăm sóc thay thế tại cơ sở cung cấp dịch vụ BVTE hoặc cá nhân, gia đình không phải người thân thích.	1	100%	1	1	1	-	-	-